

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

Mẫu 02/NCCNN
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30
tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
Form No: 02/NCCNN
(Along with Circular No. 89/2026/TT-BTC dated 30th
Jul 2026 of the Minister of Finance)

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

(Dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài kê khai trực tiếp với cơ quan thuế)

TAX DECLARATION FOR E-COMMERCE BUSINESS IN VIET NAM

(For foreign providers who declare directly with tax authorities)

[01] Kỳ tính thuế: ☐ Tháng.....năm ☐ Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng.....năm

Tax period: Month.... Year.... / Per occurrence

[02] Lần đầu:☐

First time

[03] Điều chỉnh lần thứ:☐

Time of adjustment

[04] Tên người nộp thuế:.....

Name of taxpayer:

[05] Mã số thuế:.....

Tax identification number:

[06] Địa chỉ:.....[07] Quốc gia nơi thành lập doanh nghiệp.....

Postal address:

Country in which business is established:

[08] Điện thoại: [09] E-mail:

Tel:

E-mail

[10] Đồng tiền nộp thuế:.. .

Payment currency:

[11] Quốc gia có Hiệp định với Việt Nam: ☐ Có ☐ Không

From a country which signed a Double Tax Agreement with Viet Nam: Yes No

[12] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):

Name of tax agent, authorized organization (if any)

[13] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Tax identification number of tax agent, authorized organization:

[14] Địa chỉ của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Address of tax agent, authorized organization:

[15] Điện thoại của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Tel of tax agent, authorized organization:

[16] E-mail của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

E-mail of tax agent, authorized organization:

A. Đối với trường hợp doanh thu phát sinh tại Việt Nam*(Doanh thu từ cung cấp dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa mà không tách riêng được)***A. In terms of revenue generated in Viet Nam***(Revenue generated from services supply or services are associated to goods which can not be separated)*

Đơn vị tiền/Currency :

Nội dung Contents	Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) Value-Added Tax				Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax					Tổng số thuế nộp vào NSNN Total tax payable
	Giá tính thuế Taxable value subject to VAT	Giá tính thuế bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Taxable value from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Thuế suất (tỷ lệ) thuế GTGT Deemed VAT rate	Thuế GTGT phải nộp VAT payable	Doanh thu tính thuế Revenue subject to CIT	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu Deemed CIT rate	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định Tax amount exempted or reduced under Double TaxAgreement	Thuế TNDN phải nộp CIT payable	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)={ (2)-(3) } x (4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)={ (6)-(7) } x (8)-(9)	(11)=(5)+(10)
Tổng cộng: Total:				[17]					[18]	[19]

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

Total amount of VAT and CIT payable this period (In words):

B. Đối với trường hợp giao dịch hàng hóa phát sinh tại Việt Nam
B. In terms of goods transactions carried out in Viet Nam

Đơn vị tiền/Currency:....

Nội dung Contents	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				
	Doanh thu tính thuế Revenue subject to CIT	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu Deemed CIT rate	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định Tax amount exempted or reduced under Double Tax Agreement	Thuế TNDN phải nộp CIT payable
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)={ (2)-(3) } x (4)-(5)
Tổng cộng: Total:					[20]

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này (viết bằng chữ):.....

Total amount of CIT payable this period (In words)

File đính kèm/Attachments:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC
 VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:/.....

TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 TAXPAYER or**

THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

(Signature, full name; Title, and seal (if any)/Digital signature)